

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-5-2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Yên Lan

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H; sinh năm 1970; cư trú tại: đường K, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H; tên khác: Nguyen Van H; sinh năm 1968; cư trú tại: Québec, Ca-na-đa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng vào ngày 10-8-1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và đã sinh được 03 con chung. Đến năm 2004, thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không H giải được, nên bà về Đà Nẵng sống với cha mẹ đẻ. Đến năm 2015 thì ông H qua Ca-na-đa sống cho đến nay. Qua gần 20 năm sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 04-01-1995; Nguyễn Thị T, sinh ngày 20-01-1997 và Nguyễn Thị T1, sinh ngày 23-6-1998.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn H không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì ông H gửi cho Tòa án văn bản ghi ngày 23-3-2023, có nội dung thống nhất như bà Đoàn Thị H đã trình bày ở trên về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H do tình cảm vợ chồng không còn; đồng thời đề nghị cho ông được vắng mặt tại phiên Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị H đối với ông Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị H là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường K, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông

Nguyễn Văn H; có quốc tịch Ca-na-đa; cư trú tại địa chỉ: Québec, Ca-na-đa, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Nguyễn Văn H bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Ca-na-đa cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị H đối với ông H và yêu cầu ông H gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 04-4-2023, ông H đã gửi cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Theo đó, ông H xác định là không thể về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Đoàn Thị H; đồng thời đề nghị Tòa án sớm mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho ông và bà H, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 29-5-2023, nguyên đơn bà Đoàn Thị H gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Văn H của bà Đoàn Thị H thì thấy, từ năm 2004 đến nay ông, bà đã xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay, do đó hôn nhân của ông, bà là không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn ông H của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các con chung của bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn H đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả

năng lao động; ông H, bà H không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Đoàn Thị H phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Đoàn Thị H phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị H đối với ông Nguyễn Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí dân sự: Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005132 ngày 26-11-2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Đoàn Thị H phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0005168 ngày 12-01-2023, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Đoàn Thị H phải chịu 100 đô la Canada, bà H đã nộp tiền và đã thanh toán cho Cơ quan có thẩm quyền Québec Canada.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H không mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam